

## PHỤ LỤC II

### Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

(Ban hành kèm theo công văn số 5410./CTLN ngày 26.../6/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận)

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**MST: 3401121487**      **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

#### I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;

**Kết quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty năm 2025**

- Vốn chủ sở hữu: 117,612 tỷ đồng.
- Sản phẩm chủ yếu:

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2025
Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
- Sản phẩm mộc	SP	636
- Trồng rừng	ha	946,93
- Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng	ha	1.004,72

- Doanh thu: **89,295** / 85,907 tỷ đồng, đạt 103,94% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: **7,482** / 6,480 tỷ đồng, đạt 115,46% kế hoạch.
- Nộp ngân sách (đã nộp): **11,307** / 10,366 tỷ đồng, đạt 109,07% kế hoạch.
- Nộp ngân sách (phải nộp): **14,425** / 7,222 tỷ đồng, đạt 199,73% kế hoạch.
- Thu nhập bình quân: **14,890** / 8,6 triệu đồng, đạt 173% kế hoạch.

2/ Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

##### a) Khó khăn:

- Do thời tiết có diễn biến khó lường như số lượng bão trong năm nhiều, lượng mưa kéo dài cũng gây ảnh hưởng đến cục bộ tiến độ trong công tác xử lý thực bì trồng rừng và khai thác gỗ rừng trồng của Công ty.

- Tình hình phá rừng, lấn chiếm, tái lấn chiếm đất đai vẫn còn diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến công tác sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, các Phương án sử dụng đất, Phương án quản lý rừng bền vững trên toàn lâm phận quản lý vẫn chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt do phải chờ các cơ quan chuyên môn thẩm định.

- Doanh thu sản phẩm mộc Công ty sụt giảm do thị trường ảm đạm, sức mua giảm sâu dẫn đến doanh thu sụt giảm ảnh hưởng đến hoạt động chế biến gỗ.

- Việc nộp tiền thuê đất hàng năm hơn 02 tỷ đối với diện tích rừng tự nhiên 18.957.108m<sup>2</sup> đang khoanh nuôi bảo vệ tại xã Sông Phan, huyện Hàm Tân (nay là xã Tân Lập, tỉnh Lâm Đồng) mà không có bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nào mặc dù Công ty đã có rất nhiều kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét nhưng chưa được xử lý dứt điểm. Bên cạnh đó, Cục Thuế tỉnh truy thu đối với tiền thuê đất diện tích như trên từ năm 2014 đến 2025 gần 8 tỷ đồng gây áp lực tài chính cho Công ty.

**b) Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh cùng các Sở ban ngành, chính quyền địa phương đã tạo điều kiện chia sẻ giúp cho Công ty vượt qua một số khó khăn nhất định.

- Sự đoàn kết, nhất trí cùng với quyết tâm, nỗ lực trong toàn hệ thống chính trị của Công ty đã tạo sự đồng lòng, chung tay vượt qua các khó khăn hiện hữu và tìm kiếm những giải pháp đồng bộ, khả thi để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thị trường giá nguyên liệu gỗ rừng trồng tăng trưởng ổn định trong những năm gần đây nên việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty đạt hiệu quả, từ đó, giúp Công ty thực hiện tốt tất cả các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, trong đó: Nộp ngân sách và chi trả lương, thưởng và các chế độ chính sách cho người lao động đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn;

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng	ha	1.004,72	1.004,72	
b)	Sản phẩm mộc	Sản phẩm	1.512	636	
c)	Trồng rừng	ha	671	946,93	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	85,907	89,295	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,480	7,482	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,184	5,586	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	10,366	11,307	

6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	182	172	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	28,010	32,753	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,584	1,925	
b)	Quỹ lương ban điều hành – người lao động	Tỷ đồng	26,426	30,828	

**Lưu ý:**

(\* Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

## II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN: Không có.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

Công ty không có đầu tư dự án nhóm B trở lên.

### BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
	Dự án quan trọng quốc gia						
	Dự án nhóm A						
	Dự án nhóm B						

2. Các khoản đầu tư tài chính.

## III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: Không có.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

Công ty không có đầu tư bên ngoài.

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
<b>1 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>										
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
<b>2 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b>										
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									